

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐHSP NGHỆ THUẬT TW**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm  
năm học 2023 - 2024**

**A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng**

| STT | Nội dung                                                         | Diện tích (m2) | Hình thức sử dụng |          |      |
|-----|------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------|----------|------|
|     |                                                                  |                | Sở hữu            | Liên kết | Thuê |
| 1.  | Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng                 | 35.648,60      | X                 |          |      |
|     | Trong đó:                                                        |                |                   |          |      |
| a   | Trụ sở chính                                                     | 35.648,60      | X                 |          |      |
| b   | Phân hiệu tại...                                                 |                |                   |          |      |
| c   | Cơ sở 2 tại...                                                   |                |                   |          |      |
| 2.  | Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học | 26.576,93      | X                 |          |      |
|     | Trong đó:                                                        |                |                   |          |      |
| a   | Trụ sở chính                                                     | 26.576,93      | X                 |          |      |
| b   | Phân hiệu tại...                                                 |                |                   |          |      |
| c   | Cơ sở 2 tại...                                                   |                |                   |          |      |

**B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu**

| STT | Tên                 | Số lượng | Mục đích sử dụng | Đối tượng sử dụng                                                                                                                                                                                      | Diện tích sàn xây dựng (m2) | Hình thức sử dụng |          |      |
|-----|---------------------|----------|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------|----------|------|
|     |                     |          |                  |                                                                                                                                                                                                        |                             | Sở hữu            | Liên kết | Thuê |
| 1.  | Phòng thí nghiệm... |          |                  |                                                                                                                                                                                                        |                             |                   |          |      |
| 2.  | Phòng thực hành...  | 101      | Giảng dạy, NCKH  | - Trình độ Đại học các ngành: Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Thiết kế thời trang, Thiết kế Đồ họa, Hội họa, Quản lý văn hóa, Thanh nhạc, Piano, Sư phạm Âm nhạc mầm non, Sư phạm Mỹ thuật mầm non, | 5.025,46                    | X                 |          |      |

| STT | Tên               | Số lượng | Mục đích sử dụng | Đối tượng sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Diện tích sàn xây dựng (m2) | Hình thức sử dụng |          |      |
|-----|-------------------|----------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------|----------|------|
|     |                   |          |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                             | Sở hữu            | Liên kết | Thuê |
|     |                   |          |                  | Diễn viên kịch - điện ảnh, Công nghệ may.<br>- Trình độ thạc sỹ các ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc, Quản lý Văn hóa, Lý luận và Phương pháp dạy học Mỹ thuật.<br>- Trình độ tiến sỹ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc.                                                                                                                             |                             |                   |          |      |
| 3.  | Xưởng thực tập... | 3        | Giảng dạy, NCKH  | - Trình độ Đại học các ngành: Thiết kế thời trang, Công nghệ may.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 274,10                      | X                 |          |      |
| 4.  | Nhà tập đa năng   |          |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                             |                   |          |      |
| 5.  | Hội trường        | 1        | Giảng dạy, NCKH  | - Trình độ Đại học các ngành: Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Thiết kế thời trang, Thiết kế Đồ họa, Hội họa, Quản lý văn hóa, Thanh nhạc, Piano, Sư phạm Âm nhạc mầm non, Sư phạm Mỹ thuật mầm non, Diễn viên kịch - điện ảnh, Công nghệ may.<br>- Trình độ thạc sỹ các ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc, Quản lý Văn hóa, Lý luận và Phương pháp dạy học Mỹ thuật. | 192,00                      | X                 |          |      |

| STT | Tên                        | Số lượng | Mục đích sử dụng | Đối tượng sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Diện tích sàn xây dựng (m2) | Hình thức sử dụng |          |      |
|-----|----------------------------|----------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------|----------|------|
|     |                            |          |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                             | Sở hữu            | Liên kết | Thuê |
|     |                            |          |                  | - Trình độ tiến sỹ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                             |                   |          |      |
| 6.  | Phòng học từ 100 - 200 chỗ | 01       | Giảng dạy, NCKH  | <p>- Trình độ Đại học các ngành: Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Thiết kế thời trang, Thiết kế Đồ họa, Hội họa, Quản lý văn hóa, Thanh nhạc, Piano, Sư phạm Âm nhạc mầm non, Sư phạm Mỹ thuật mầm non, Diễn viên kịch - điện ảnh, Công nghệ may.</p> <p>- Trình độ thạc sỹ các ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc, Quản lý Văn hóa, Lý luận và Phương pháp dạy học Mỹ thuật.</p> <p>- Trình độ tiến sỹ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc.</p> | 240,40                      | X                 |          |      |
| 7.  | Phòng học từ 50 - 100 chỗ  | 26       | Giảng dạy, NCKH  | <p>- Trình độ Đại học các ngành: Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Thiết kế thời trang, Thiết kế Đồ họa, Hội họa, Quản lý văn hóa, Thanh nhạc, Piano, Sư phạm Âm nhạc mầm non, Sư phạm Mỹ thuật mầm non, Diễn viên kịch -</p>                                                                                                                                                                                                                                                | 2.061,74                    | X                 |          |      |

ỦY  
 BAN  
 TRƯỞNG  
 ĐẠI  
 HỌC  
 SƯ PHẠM  
 NGHỆ  
 AN  
 TRUNG

| STT | Tên                      | Số lượng | Mục đích sử dụng | Đối tượng sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Diện tích sàn xây dựng (m2) | Hình thức sử dụng |          |      |
|-----|--------------------------|----------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------|----------|------|
|     |                          |          |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                             | Sở hữu            | Liên kết | Thuê |
|     |                          |          |                  | điện ảnh, Công nghệ may.<br>- Trình độ thạc sỹ các ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc, Quản lý Văn hóa, Lý luận và Phương pháp dạy học Mỹ thuật.<br>- Trình độ tiến sỹ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc.                                                                                                                                                                                                                         |                             |                   |          |      |
| 8.  | Số phòng học dưới 50 chỗ | 04       | Giảng dạy, NCKH  | - Trình độ Đại học các ngành: Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Thiết kế thời trang, Thiết kế Đồ họa, Hội họa, Quản lý văn hóa, Thanh nhạc, Piano, Sư phạm Âm nhạc mầm non, Sư phạm Mỹ thuật mầm non, Diễn viên kịch - điện ảnh, Công nghệ may.<br>- Trình độ thạc sỹ các ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc, Quản lý Văn hóa, Lý luận và Phương pháp dạy học Mỹ thuật.<br>- Trình độ tiến sỹ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc. | 154,20                      | X                 |          |      |
| 9.  | Số phòng học đa phương   | 05       | Giảng dạy,       | - Trình độ Đại học các ngành: Sư phạm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 456,10                      | x                 |          |      |

| STT | Tên                                                        | Số lượng | Mục đích sử dụng | Đối tượng sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Diện tích sàn xây dựng (m2) | Hình thức sử dụng |          |      |
|-----|------------------------------------------------------------|----------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------|----------|------|
|     |                                                            |          |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                             | Sở hữu            | Liên kết | Thuê |
|     | tiện                                                       |          | NCKH             | <p>Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Thiết kế thời trang, Thiết kế Đồ họa, Hội họa, Quản lý văn hóa, Thanh nhạc, Piano, Sư phạm Âm nhạc mầm non, Sư phạm Mỹ thuật mầm non, Diễn viên kịch - điện ảnh, Công nghệ may.</p> <p>- Trình độ thạc sỹ các ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc, Quản lý Văn hóa, Lý luận và Phương pháp dạy học Mỹ thuật.</p> <p>- Trình độ tiến sỹ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc.</p> |                             |                   |          |      |
| 10. | Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu | 01       | Giảng dạy, NCKH  | <p>- Trình độ Đại học các ngành: Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Thiết kế thời trang, Thiết kế Đồ họa, Hội họa, Quản lý văn hóa, Thanh nhạc, Piano, Sư phạm Âm nhạc mầm non, Sư phạm Mỹ thuật mầm non, Diễn viên kịch - điện ảnh, Công nghệ may.</p> <p>- Trình độ thạc sỹ các ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc, Quản lý Văn hóa,</p>                                                                                   | 43,90                       | x                 |          |      |

NG  
OC  
AM  
HUẬT  
ƯƠNG

| STT | Tên                          | Số lượng | Mục đích sử dụng               | Đối tượng sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Diện tích sàn xây dựng (m2) | Hình thức sử dụng |          |      |
|-----|------------------------------|----------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------|----------|------|
|     |                              |          |                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                             | Sở hữu            | Liên kết | Thuê |
|     |                              |          |                                | Lý luận và Phương pháp dạy học Mỹ thuật.<br>- Trình độ tiến sỹ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                             |                   |          |      |
| 11. | Thư viện, trung tâm học liệu | 5        | Giảng dạy, NCKH                | - Trình độ Đại học các ngành: Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Thiết kế thời trang, Thiết kế Đồ họa, Hội họa, Quản lý văn hóa, Thanh nhạc, Piano, Sư phạm Âm nhạc mầm non, Sư phạm Mỹ thuật mầm non, Diễn viên kịch - điện ảnh, Công nghệ may.<br>- Trình độ thạc sỹ các ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc, Quản lý Văn hóa, Lý luận và Phương pháp dạy học Mỹ thuật.<br>- Trình độ tiến sỹ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc. | 345,53                      | X                 |          |      |
| 12. | Các phòng chức năng khác     | 175      | Phòng làm việc, kho, nhà xe... | - Các đơn vị trong trường sử dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8.211,56                    | X                 |          |      |

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

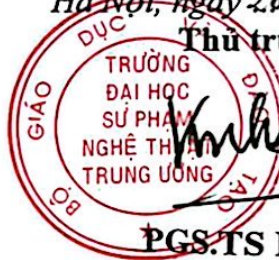
| STT | Tên                                                                                  | Số lượng              |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| 1.  | Số phòng đọc                                                                         | 02                    |
| 2.  | Số chỗ ngồi đọc                                                                      | 60                    |
| 3.  | Số máy tính của thư viện                                                             | 16                    |
| 4.  | Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí) | 11.232 đầu/24.349 bản |
| 5.  | Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường                                            | 77                    |

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

| STT | Tên                     | Tỷ lệ                     |
|-----|-------------------------|---------------------------|
| 1.  | Diện tích đất/sinh viên | 8,75 m <sup>2</sup> /1 SV |
| 2.  | Diện tích sàn/sinh viên | 6,52 m <sup>2</sup> /1 SV |

Hà Nội, ngày 28. tháng 6. năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



PGS.TS Lê Vinh Hưng